TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **24**/2026/DS-ST
Ngày 03-03-2026
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Đông.

2. Ông Trần Văn Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

Trong các ngày 24 tháng 02 và 03 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2025/TLST-DS ngày 08 tháng 12 năm 2025 về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S**, Địa chỉ: B - B N, phường X, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**. Địa chỉ: Số C T, phường P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Thái Hoàng H1**, sinh năm 1992, Địa chỉ: Ấp A, xã T, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày và yêu cầu như sau:

Ngày 25-04-2023, anh Thái Hoàng H1 có ký với Ngân hàng TMCP S1 (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng (các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể: Loại thẻ: VISA, số thẻ 472074 - 0441, lãi suất áp dụng 33,2%/năm và 2,77%/tháng.

Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, anh Thái Hoàng H1 đã thực hiện các giao

dịch với tổng số tiền là 183.601.400 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 23 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử đụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Anh Thái Hoàng H1 phải chịu các khoản phí theo quy định tại Điều 25 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín đụng của Ngân hàng, chỉ tiết lãi, phí được nêu trong sao kê tóm tắt. Quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến khi khởi kiện, anh Thái Hoàng H1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 76.523.661 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kế tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo Điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh Thái Hoàng H1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Ngày 25-7-2025, Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 106.934.750 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (50% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Những vấn đề cụ thể nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc anh Thái Hoàng H1 trả ngay cho Ngân hàng TMCP S tổng số tiền tạm tính đến ngày 15-9-2025 là 110.409.383 đồng. Trong đó: Vốn gốc: 106.934.750 đồng; Lãi quá hạn: 3.474.633 đồng. Đồng thời, có trách nhiệm tiếp tục trả lãi phát sinh kể từ ngày 16-9-2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại Hợp đồng.

Ý kiến của bị đơn anh Thái Hoàng H1: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Thái Hoàng H1, thông báo về nội dung yêu cầu khởi kiện, chứng cứ mà nguyên đơn đã cung cấp, nhưng bị đơn không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến phản đối các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào.

Trước khi mở phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có bản tự khai, có đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về nợ gốc do bị đơn đã thanh toán được một phần nợ gốc. Cụ thể, anh Thái Hoàng H1 thanh toán được 2.346.000 đồng vào ngày 25-9-2025 nên còn lại nợ gốc 104.588.750 đồng; tiền lãi tạm tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm (03-3-2026) là 16.789.240 đồng. Do đó, tổng cộng số tiền bị đơn còn phải thanh toán là 121.377.990 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện bị đơn có địa chỉ cư trú ghi trong hợp đồng tại Ấp A, xã T, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã T, thành phố Cần Thơ), yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ có thẩm quyền giải quyết và xác định quan hệ pháp luật giải quyết về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc vắng mặt đương sự: Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn anh Thái Hoàng H1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Sau phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện nhưng không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[5] Xét thấy, vào ngày 12-02-2018, anh Thái Hoàng H1 ký kết Giấy đăng ký sử dụng thẻ tín dụng kiêm hợp đồng với Ngân hàng TMCP S, hạn mức đề nghị số tiền 100.000.000 đồng. Mục đích vay, thời hạn và thỏa thuận lãi suất nêu trong đơn yêu cầu khởi kiện đúng như giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng mà nguyên đơn cung cấp. Việc giao kết hợp đồng giữa hai bên là tự nguyện, hình thức hợp đồng và các nội dung thỏa thuận nêu trên là phù hợp với quy định của pháp luật nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Các bên tham gia giao kết có các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hợp đồng. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng phía bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ thể hiện qua bảng kê tiền lãi và sao kê tài khoản của anh Thái Hoàng H1. Do đó, Ngân hàng TMCP S tiến hành khởi kiện để thu hồi nợ là có căn cứ, phù hợp theo thỏa thuận đã ký kết và quy định tại Điều 282, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, Điều 100, Điều 102, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng.

[6] Tính đến thời điểm khởi kiện, dư nợ gốc theo sao kê chi tiết thẻ tín dụng của anh Thái Hoàng H1 còn lại là 106.934.750 đồng, tiền lãi quá hạn là tạm tính 3.474.633 đồng. Đến ngày 25-9-2025, anh Thái Hoàng H1 thanh toán được 2.346.000 đồng nên còn lại nợ gốc 104.588.750 đồng; tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (03-3-2026) là 16.789.240 đồng. Do đó, tổng cộng số tiền bị đơn còn phải thanh toán là 121.377.990 đồng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 244, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 235 Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 100, Điều 102, Điều 103 của Luật các tổ chức tín dụng; Điều 8, Điều

13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc bị đơn anh Thái Hoàng H1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP S số tiền 121.377.990 đồng. Trong đó, nợ gốc 104.588.750 đồng; tiền lãi tạm tính 16.789.240 đồng.

Kể từ ngày 04-3-2026 cho đến khi anh Thái Hoàng H1 thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP S, thì hàng tháng anh Thái Hoàng H1 phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng TMCP S) mà hai bên đã ký kết.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm ứng án phí 2.760.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011551 ngày 05-12-2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn anh Thái Hoàng H1 phải chịu án phí sơ thẩm 6.068.900 đồng.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa mà không có người đại diện thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 - Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Lâm